

TÓM TẮT LÝ LỊCH KHOA HỌC ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ

1. Họ và tên: Bùi Cách Tuyền
2. Năm sinh: 1955
3. Chức vụ và cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại Học Nông Lâm. TP.HCM
4. Năm được bổ nhiệm Giáo sư: 2014

Ngành: Nông Nghiệp

Chuyên ngành: Bảo vệ Thực vật

5. Danh hiệu trong nước và quốc tế:
6. Số công trình khoa học đã công bố trên các tạp chí khoa học: 185

Trong đó:

- ISI hoặc/và Scopus: 30 (5 năm gần đây: 2)

- Tạp chí nước ngoài khác: 9 (5 năm gần đây: 2)

7. Số sáng chế, giải pháp hữu ích:

Trong đó, quốc tế: (5 năm gần đây: 0)

8. Số sách chuyên khảo và giáo trình đã xuất bản: 13

Trong đó:

- 5 năm gần đây: 1

- Do Nhà xuất bản nước ngoài, Nhà xuất bản cấp Quốc gia, Bộ và tương đương xuất bản: 1

9. Tổng số trích dẫn (nếu có): Chi số h_{index} (nếu có):

10. Giải thưởng KH&CN quốc tế, quốc gia hoặc tương đương: 0

11. Bài báo khoa học tiêu biểu (Liệt kê tối đa 10 bài báo tiêu biểu trong cả quá trình, kèm theo chỉ số trích dẫn của bài báo và chỉ số ảnh hưởng của tạp chí, nếu có):

Liên B. Ho, Biet V. Huynh, **Tuyen C. Bui**. 2021. Accumulation and distribution of lead (Pb) in different tissues of Lucky bamboo plants (*Dracaena sanderiana*). *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển*. Đại học Nông Lâm TP. HCM. Số:20(3). Trang:50-60.

Phạm Đức Toàn, Huỳnh Văn Biết, **Bùi Cách Tuyền**. 2020. Sử dụng chỉ thị SSR để đánh giá sự biến động di truyền của các mẫu giống mè (*Sesamum indicum* L.). *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển*. Đại học Nông Lâm TP. HCM. Số: 19(5).Trang: 9-19.

Bùi Cách Tuyền, Phạm Đức Toàn, Nguyễn Thị Thu, Phạm Thị Hồng Phi, Lê Cao Lượng, Huỳnh Văn Biết. 2019. Bước đầu xác định nguyên nhân gây bệnh sọc đen trên thân cây hoa cúc (*Chrysanthemum* spp.) ở Lâm Đồng bằng kỹ thuật PCR. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*. Số 20/2019, Trang: 29-34.

Lê Đức Hưng, Phạm Đức Toàn, **Bùi Cách Tuyền**. 2019. Bước đầu phát hiện virus bệnh khảm lá cây khoai mì *Manihot esculenta* trên địa bàn tỉnh Tây Ninh bằng kỹ thuật PCR. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*. Số 5/2019, Trang: 10-15.

Pham Duc Toan, Huynh Van Biet, Vo Thi Thuy Hue, Huynh Dang Sang, Bui Minh Tri, **Bui Cach Tuyen**. 2018. Analysis of genetic diversity of gac [*Momordica cochinchinensis* (Lour.)



Spreng] in Southern Vietnam using fruit-morphological and microsatellite markers. *Australian Journal of Crop Science*, 12(12): p 1890-1898.

Tetsuro AGUSA, Takashi KUNITO, Reiji KUBOTA, Suguru I0UE, Junko FUJIHARA, Tu Binh MINH, Nguyen Ngoc HA, Nguyen Phuc Cam TU, Pham Thi Kim TRANG, Chhoun CHAMNAM, Haruo TAKESHITA, Hisato IWATA, Bui Cach TUYEN, Pham Hung VIET, Touch Seang TANA, Shinsuke TANABE. 2010. Exposure, metabolism, and health effects of arsenic in residents from arsenic-contaminated groundwater areas of Vietnam and Cambodia: a review. *Reviews on Environmental Health*, Vol. 25, 0. 3, pp. 193-220, September, 2010. **IF=3,45.**

Tokutaka IKEMOTO, Nguyen Phuc Cam TU, Michio X. WATANABE, Noboru OKUDA, Koji OMORI, Shinsuke TANABE, Bui Cach TUYEN, Ichiro TAKEUCHI. 2008. Analysis of biomagnification of persistent organic pollutants in the aquatic food web of the Mekong Delta, South Vietnam: using stable carbon and nitrogen isotopes. *Chemosphere*, Vol. 72, No. 1, pp. 104-114, May, 2008. **IF=3,63.**

Satoshi MANAGAKI, Ayako MURATA, Hideshige TAKADA, Bui Cach TUYEN, Nguyen Hong CHIEM. 2007. Distribution of macrolides, sulfonamides, and trimethoprim in tropical waters: ubiquitous occurrence of veterinary antibiotics in the Mekong Delta. *Environmental Science & Technology*, Vol. 41, 0. 23, pp. 8004-8010, October, 2007. **IF=5,25.**

Sonoko YAMAGUCHI, Chiemi MIURA, Aki ITO, Tetsuro AGUSA, Hisato IWATA, Shinsuke TANABE, Bui Cach TUYEN, Takeshi MIURA. 2007. Effects of lead, molybdenum, rubidium, arsenic and organochlorines on spermatogenesis in fish: monitoring at Mekong Delta area and in vitro experiment. *Aquatic Toxicology*, Vol. 83, No. 1, pp. 43-51, June, 2007. **IF=4,007.**

Fujiyo SUEHIRO, Hiroko MOCHIZUKI, Shinji NAKAMURA, Hisato IWATA, Takeshi KOBAYASHI, Shinsuke TANABE, Yoshifumi FUJIMORI, Fumitake NISHIMURA, Bui Cach TUYEN, Touch Seang TANA, Satoru SUZUKI. Occurrence of tributyltin (TBT)-resistant bacteria is not related to TBT pollution in Mekong River and coastal sediment: with a hypothesis of selective pressure from suspended solid. *Chemosphere*, Vol. 68, 0. 8, pp. 1459-1464, July, 2007. **IF=3,63.**

12. Sách chuyên khảo và giáo trình tiêu biểu (*Liệt kê tối đa 5 sách và/hoặc giáo trình tiêu biểu trong cả quá trình, kèm theo chỉ số trích dẫn, số lần tái bản, nếu có*):

Bệnh hại cây trồng Việt Nam. 2018. Vũ Triệu Mân, Nguyễn Văn Tuất, Bùi Cách Tuyền, Nguyễn Văn Kim. Nhà xuất bản Học Viện Nông Nghiệp.

Độc chất học Môi trường. 2013. Bùi Cách Tuyền, Lê Quốc Tuấn. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.

Cây hồ tiêu, bệnh hại và biện pháp phòng trừ. 2013. Bùi Cách Tuyền, Lê Đình Đôn. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.

Cẩm nang sâu bệnh hại cây trồng. 2003. Quyển 1: Phạm Văn Biên, Bùi Cách Tuyền, Nguyễn Mạnh Chinh. Cây lương thực, Cây thực phẩm, Cây hoa cảnh. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.

Cẩm nang sâu bệnh hại cây trồng. 2004. Phạm Văn Biên, Bùi Cách Tuyền, Nguyễn Mạnh Chinh. Quyển 2: Cây công nghiệp, Cây ăn quả. Nhà xuất bản Nông Nghiệp.

13. Kết quả nghiên cứu khoa học tiêu biểu trong 5 năm gần đây (*Liệt kê tối đa 5 công trình khoa học tiêu biểu trong 5 năm gần đây (bài báo khoa học và/hoặc sách chuyên khảo; sáng chế, giải pháp hữu ích; giải thưởng...)*):

Liên B. Ho, Biet V. Huynh, **Tuyen C. Bui**. 2021. Accumulation and distribution of lead (Pb) in different tissues of Lucky bamboo plants (*Dracaena sanderiana*). Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển. Đại học Nông Lâm TP. HCM. Số:20(3). Trang:50-60.

Phạm Đức Toàn, Huỳnh Văn Biết, **Bùi Cách Tuyền**. 2020. Sử dụng chỉ thị SSR để đánh giá sự biến động di truyền của các mẫu giống mè (*Sesamum indicum* L.). Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển. Đại học Nông Lâm TP. HCM. Số: 19(5).Trang: 9-19.

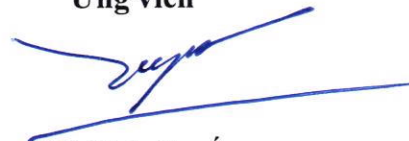
Bùi Cách Tuyền, Phạm Đức Toàn, Nguyễn Thị Thu, Phạm Thị Hồng Phi, Lê Cao Lượng, Huỳnh Văn Biết. 2019. Bước đầu xác định nguyên nhân gây bệnh sọc đen trên thân cây hoa cúc (*Chrysanthemum* spp.) ở Lâm Đồng bằng kỹ thuật PCR. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Số 20/2019, Trang: 29-34.

Pham Duc Toan, Huynh Van Biet, Vo Thi Thuy Hue, Huynh Dang Sang, Bui Minh Tri, **Bui Cach Tuyen**. 2018. Analysis of genetic diversity of gac [*Momordica cochinchinensis* (Lour.) Spreng] in Southern Vietnam using fruit-morphological and microsatellite markers. Australian Journal of Crop Science, 12(12): p1890-1898.

Bệnh hại cây trồng Việt Nam. 2018. Vũ Triệu Mân, Nguyễn Văn Tuất, **Bùi Cách Tuyền**, Nguyễn Văn Kim. Nhà xuất bản Học Viện Nông Nghiệp.

14. Các hoạt động cộng đồng hiện nay (*Lãnh đạo các hiệp hội khoa học, kỹ thuật trong nước và quốc tế; Ban biên tập tạp chí khoa học,...*): Phó Chủ tịch Hội Nghiên cứu Bệnh cây Việt Nam.

Ứng viên



Bùi Cách Tuyền